

Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 07/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vũ Thị T, sinh năm: 1990.

- Anh Mai Trọng H, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Số nhà 135, đường Nguyễn Thái Học, tổ 22 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang. Các thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Mai Trọng H tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Mai Trọng H thống nhất thỏa thuận giao cháu Mai Hà M, sinh ngày 25/10/2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Mai Trọng H cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, theo phương thức anh H chuyển tiền hàng tháng, chị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Vũ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Mai Trọng H tự nguyện thuận tình ly hôn.

2- Về con chung: Giao cháu cháu Mai Hà M, sinh ngày 25/10/2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Mai Trọng H cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, theo phương thức anh H chuyển tiền hàng tháng, chị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

3- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4- Về lệ phí: Chị Vũ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị Vũ Thị T đã nộp theo biên lai số 0000863 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPH;
- CCTHA dân sự TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã V, huyện B, T.Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Mỹ Lệ